

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2018/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 29 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2018/NQ-HĐND, ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, khóa IX, kỳ họp thứ 09 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 117/TTr-STC ngày 03 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 15/2010/QĐ-UBND ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức áp dụng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc
quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND
ngày 29/8/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội và dự án sử dụng vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh (gọi chung là cơ quan, đơn vị, tổ chức).

2. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị vũ trang nhân dân thuộc kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích công cộng, lợi ích quốc gia; tài sản sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh quốc gia; tài sản dự trữ quốc gia; tài sản công tại doanh nghiệp; tài nguyên thiên nhiên và đất đai khác thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật, không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý sử dụng tài sản công gồm: Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) được giao nhiệm vụ quản lý tài sản theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội.

4. Văn phòng cấp ủy cấp huyện là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện.

5. Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng tài sản công như: đơn vị tương đương cấp sở, các đơn vị, tổ chức trực thuộc các sở, ngành và các đơn vị khác thuộc cấp huyện, doanh nghiệp có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyền hạn, trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn tỉnh.

3. Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công trên địa bàn huyện, thành phố.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo phân cấp quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Chương II

PHÂN CẤP QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hoặc bổ sung hàng năm quyết định mua sắm tài sản công cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính, gồm:

a) Nhà làm việc, nhà ở công vụ và tài sản khác gắn liền với đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, nhà ở công vụ;

b) Xe ô tô, phương tiện vận tải các loại;

c) Các tài sản công khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, căn cứ tiêu chuẩn, định mức quy định hiện hành, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định mua sắm tài sản công khác có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm, trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc mua sắm tài sản công có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục và tổ chức mua sắm tài sản công thực hiện theo quy định tại các Khoản 3, 4 và 5 Điều 3 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây viết tắt là Nghị định số 151/2017/NĐ-CP). Trường hợp mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị mua sắm tài sản công tại điều này lập thủ tục, tổ chức mua sắm theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) từ 100 triệu đồng trở lên do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện lập phương án thuê trình Sở Tài chính. Sở Tài chính thẩm định và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng do phòng, ban trực thuộc tham mưu và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản có giá trị thuê tính cho cả thời hạn thuê (tính cho một hợp đồng) dưới 100 triệu đồng do thủ trưởng cơ quan được thuê tài sản lập phương án thuê trình Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

4. Trình tự, thủ tục thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi: nhà đất thuộc trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô và phương tiện vận tải các loại của các cơ quan, đơn vị, tổ chức hiện đang quản lý, theo đề nghị của Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành liên quan.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản công (trừ các loại tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản công (trừ các loại tài sản công thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều này) đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

4. Trình tự, thủ tục thu hồi và xử lý tài sản công thu hồi thực hiện theo quy định tại Điều 18, Điều 19 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển nhà, đất thuộc trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô, phương tiện vận tải các loại, các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ngành; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố, theo đề nghị của Sở Tài chính phối hợp với các Sở, ngành liên quan.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công là các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các sở, ngành; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành phố trên cơ sở đề nghị của đơn vị đang sử dụng và đơn vị có nhu cầu sử dụng tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và các qui định hiện hành.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý gồm: Trụ sở làm việc, tài sản công khác gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất), xe ô tô và phương tiện vận tải các loại, tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh quyết định bán các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc sở, ngành quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán các loại tài sản khác có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này).

4. Trình tự, thủ tục bán tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24, Điều 25, Điều 26, Điều 27 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Điều 3, Điều 4, Điều 5 Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (sau đây viết tắt là Thông tư số 144/2017/TT-BTC).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô và phương tiện vận tải các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá trên sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định thanh lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc sở, ngành quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản công không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này có nguyên giá trên sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đối với các quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

5. Trình tự, thủ tục, tổ chức thanh lý tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 144/2017/TT-BTC trong trường hợp thanh lý tài sản theo hình thức bán.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản công của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với các tài sản công của các quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

3. Trình tự, thủ tục tiêu hủy tài sản công thực hiện theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Đảm bảo các điều kiện về tiêu hủy tài sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại là trụ sở làm việc, xe ô tô và phương tiện vận tải các loại.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các Sở, ban ngành cấp tỉnh quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở xuống/01 đơn vị tài sản tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc sở, ngành quản lý.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công bị mất, bị hủy hoại không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán tại thời điểm bị mất, bị hủy hoại có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở xuống/01 đơn vị tài sản của các quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện và cấp xã.

5. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Chương III

PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 12. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công:

a) Cơ sở hoạt động sự nghiệp và các công trình xây dựng gắn liền với đất (bao gồm quyền sử dụng đất được giao hoặc thuê), xe ô tô và phương tiện vận tải các loại từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị;

b) Tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 lần mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cấp tỉnh quản lý.

2. Thủ trưởng sở, ban ngành cấp tỉnh, quyết định mua sắm tài sản (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị, đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên trực thuộc sở, ban ngành cấp tỉnh quản lý.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản khác (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 lần mua sắm từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà nước đảm bảo chi thường xuyên cấp huyện quản lý.

4. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản khác (trừ tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này) từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp có giá trị dưới 100 triệu đồng/01 lần mua sắm.

5. Trình tự, thủ tục và tổ chức mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại các Khoản 3, Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Các trường hợp mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung thực hiện theo quy định tại Chương VI Nghị định 151/2017/NĐ-CP.

Điều 13. Thẩm quyền thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thuê tài sản là cơ sở hoạt động sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban ngành cấp tỉnh;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê cơ sở hoạt động sự nghiệp phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện.

2. Thuê tài sản khác (không phải là cơ sở hoạt động sự nghiệp) từ nguồn ngân sách nhà nước và từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của đơn vị

Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên và đơn vị nhà

nước đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản là máy móc, thiết bị và tài sản khác để phục vụ hoạt động.

3. Trình tự, thủ tục thuê tài sản phục vụ hoạt động tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 2, Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm quyền thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 48 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 49 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Thẩm quyền bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

Riêng tài sản được hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán.

2. Trình tự, thủ tục, tổ chức bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 50 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 144/2017/TT-BTC trong trường hợp thanh lý tài sản theo hình thức bán.

Điều 17. Thẩm quyền thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công là xe ô tô các loại và phương tiện vận tải khác.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất và tài sản khác có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác có nguyên giá dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản không thuộc phạm vi quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này.

4. Trình tự, thủ tục, tổ chức thanh lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 51 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP; Điều 3, Điều 4 và Điều 5 Thông tư số 144/2017/TT-BTC trong trường hợp thanh lý tài sản theo hình thức bán.

Điều 18. Thẩm quyền tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục tiêu hủy tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 52 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. Đảm bảo các điều kiện về tiêu hủy tài sản và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật.

Điều 19. Thẩm quyền xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập được thực hiện theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

2. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 53 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Chương IV

PHÂN CẤP VỀ MUA SẮM VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI- NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI-NGHỀ NGHIỆP VÀ TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 20. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

Việc mua sắm, xử lý tài sản tại tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo nội dung phân cấp mua sắm, xử lý tài sản công tại Chương II Quy định này; đối với mua sắm, xử lý tài sản đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện theo quy định tại Chương III Quy định này.

**Điều 21. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội-
nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp và các tổ chức
khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội**

Tài sản là trụ sở làm việc, công trình xây dựng gắn liền với đất và tài sản khác do Nhà nước giao tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội quản lý, sử dụng thực hiện nội dung phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công tại Chương II Quy định này; Việc quản lý, xử lý tài sản đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị xã hội-nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ

chức xã hội-nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thực hiện theo quy định Chương III Quy định này và quy định tại Điều 57 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Chương V

PHÂN CẤP VỀ QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của địa phương; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan liên quan.

2. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 93, Điều 94 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHÂN CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI TÀI SẢN CÔNG

Điều 23. Công khai việc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Tài sản công phải công khai việc quản lý, sử dụng gồm: Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, phương tiện vận tải và các tài sản công khác.

2. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công; Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai tình hình đầu tư xây dựng, việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định tại Điều 121, Điều 122, Điều 123, Điều 124 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

Điều 24. Báo cáo tài sản công

1. Cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện hạch toán và báo cáo đối với tất cả tài sản công được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

2. Đối với các loại tài sản công sau đây, cơ quan được giao quản lý, sử dụng báo cáo cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan tài chính để quản lý thống nhất, tập trung trong phạm vi cả tỉnh:

a) Trụ sở làm việc; quyền sử dụng đất để xây dựng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

b) Xe ô tô các loại;

c) Tài sản cố định khác không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và điểm b khoản này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Báo cáo tài sản công quy định tại Khoản 2 Điều này gồm:

- a) Báo cáo kê khai tài sản công;
- b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Báo cáo kê khai tài sản công:

Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với tài sản công; Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện báo cáo kê khai tài sản công theo nội dung, trình tự, thủ tục và thời gian quy định tại Điều 126, Điều 127, Điều 128, Điều 129 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP và Điều 9, Điều 10 Thông tư số 144/2017/TT-BTC.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công:

a) Hàng năm, cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với các tài sản quy định tại Khoản 2 Điều này và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

b) Thời hạn báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công hàng năm quy định như sau:

- Cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản lập báo cáo gửi cơ quan cấp trên trực tiếp (Sở, ngành chủ quản và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố) trước ngày 31 tháng 01.

- Cơ quan cấp trên lập báo cáo gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 28 tháng 02.

- Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3.

Điều 25. Tổ chức thực hiện phân cấp quản lý nhà nước đối với tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo quy định tại Quy định này.

2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công, thủ trưởng đơn vị sử dụng tài sản công có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện việc quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo đúng quy định tại Quy định này.

Cơ quan tài chính giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo phân cấp; báo cáo cơ

quan có thẩm quyền tình hình thực hiện phân cấp và tình hình quản lý sử dụng tài sản công ở địa phương.

Điều 26. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tài sản công do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện việc phân cấp quản lý tài sản công theo quy định tại Quy định này.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất việc chấp hành chế độ quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện. Kiến nghị xử lý hoặc xử lý theo thẩm quyền các trường hợp vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

1. Trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công theo phân cấp quy định tại Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quyết định việc mua sắm, điều chuyển, thu hồi, bán, chuyển đổi sở hữu, góp vốn liên doanh, liên kết, thanh lý tài sản công của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức thuộc cấp mình quản lý, theo quy định của pháp luật và thẩm quyền quy định tại Quy định này.

3. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của cấp mình theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

4. Căn cứ quyết định thu hồi hoặc điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền quy định tại Quy định này, cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với phần diện tích đất gắn với tài sản nhà nước bị thu hồi hoặc điều chuyển (nếu có) theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Điều 28. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao quản lý, sử dụng tài sản công

1. Chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

2. Sử dụng tài sản Nhà nước đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả.

3. Thực hiện kê khai, báo cáo tài sản công theo đúng quy định hiện hành.

4. Công khai tiêu chuẩn, định mức, tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.